

CUỘC TÌNH LỚN CỦA TÔI

Hay

Một ông thầy giáo nghiêm túc nói chuyện tình

Nguyễn Văn Trường
(Chs PTG 43-48)

Xác định đề tài:

Đó là một cuộc tình của tôi, nhưng không phải là một cuộc tình thông tục, hay lãng nhãng, thoáng qua rồi quên lãng. Cuộc tình này, tôi trải nghiệm suốt giòng đời. Giờ đây, đã trên hai thập niên duyên mãi, tuổi đã vào bát thập, mà âm vang thời ấy như mới hôm qua. Thế mới nói, trong một giới hạn nào đó, cuộc tình này là lẽ sống, là lý sống, cũng là nguồn sống của tôi. Tôi vui buồn, tôi lớn mạnh, hay tôi lên voi xuống chó đều do mối tình này mà ra

Cho nên, gọi là mối tình lớn.

Gọi là lớn cũng vì môi trường trải nghiệm rộng lớn, và cũng vì bên đó còn có một cuộc tình nhỏ đi song song, nhỏ vì chỉ có hai—hay nói theo Kinh Duy Ma Cật, hai mà là một, một thể mà là hai. Đó là tình với người vợ, người tình, người tri kỷ và là mẹ của các con tôi.

Nhưng đó là chuyện khác.

Trở lại vấn đề, tôi ở đây là một ông thầy giáo, trong vai trò một ông giáo nghiêm túc, và nghiêm túc nói chuyện tình

Nói như vậy, vì cũng có—dầu là không nhiều—những ông giáo không nghiêm túc. Và cũng có những lúc mà con người nghiêm túc nhất khi ăn nói hoặc khi có thái độ hay hành động lại không nghiêm túc. Với một cử tọa chọn lọc như hôm nay, tôi tự nhủ phải biết trân trọng nghiêm túc thưa trình.

Thưa rằng:

- *Một.* Những điều tôi nói ra đây đều là thật, những sự việc thật, những con người thật, những sinh hoạt thật có xảy ra, những lời nói, suy nghĩ, xúc cảm thật, tất tất đều thật. Thật 100%.

- *Hai.* Cái thật không có đạo. Nó không biết đạo lý, nó không vô luân, nhưng trong một mức độ nào đó, có thể nói nó phi luân; cho nên không thể buộc rằng nó “phải đạo”. Hoặc là thật hoặc không thật. Điều “phải đạo” có thể thật, nhưng muốn cho cái thật “phải đạo” là đã có ý dối mình, dối người, muốn biến nó thành một cái gì đó cho “phải đạo”, “thuận theo luân thường đạo lý”; nói cách khác, nó không còn là nó nữa.

Vậy, nghiêm túc không có nghĩa là “phải đạo”, mà là thật. Tôi có dẫn đo, có lựa lời, vì thật không có nghĩa là thô lỗ, trắng trợn, thẳng thừng, bất chấp mọi sự, vì tôi mong được lắng nghe, lưu ý, để tâm, cũng vì tôi biết không lời nào diễn tả được hết tình ý, càng không diễn tả đúng cái thật.

- *Ba.* Con người vốn là tình. Tình người—dầu chỉ là của một thầy giáo—đa dạng, phong phú, vô cùng, vô tận. Mà nói chuyện tình thì như kể chuyện Đông Châu, không biết bao giờ mới dứt.

Tóm lại, tôi sẽ thuật lại ở đây cuộc đời thầy giáo của mình, mà tôi gọi là cuộc tình lớn, vì nghĩ cho cùng nó vốn là tình: *tình thầy trò, tình đồng nghiệp, tình đồng sự, tình với người phụ huynh, tình với ngôi trường, với môi trường.* Nói là tình vì nó bao gồm: *bực dọc, bực bội, lo âu, trăn trở, hoang mang, trông chờ, hồi hộp, muốn và không muốn, thất vọng và hi vọng.* Vì nó ẩn tàng những chìm nổi trong *vui buồn, hỉ nộ, có lúc như trăm mối buộc ràng, mâu thuẫn chằng chịt, nhưng cũng có khi lên hương, vui mừng phấn khởi có được giác cảm đã thoát qua khổ nạn, đạt được một thành quả, thọ lãnh một hồng ân, một phép lạ.*

Cuộc sống thầy giáo của tôi có thể chia ra làm 5 giai đoạn:

1. 1954-57 pionicat¹ ở Pháp, với từ 4 đến 8 giờ dạy một tuần.
2. 1957-63 ở Viện Đại Học Huế.
3. 1963-75 ở Viện Đại Học Sài Gòn
4. 1975-1988 ở Trường Đại Học Sư Phạm Tp Hồ Chí Minh.

¹ Giám thị cho học sinh trung học

5. 1988 đến giờ : hoài niệm về một cơ duyên—cơ duyên làm thầy giáo—đã mất.

Mỗi khúc nhỏ nhỏ của một giai đoạn là cả một quyển truyện Đông Châu

Chuyện Đông Châu Liệt Quốc—hết hồi này đến hồi khác—liên miên vô tận. Cho nên người kể chuyện tình phải ý thức cái lộn xộn, lung tung, không logic, không đầu đuôi, để có một trình tự dễ theo dõi, đó cũng là một cách tỏ sự thành kính, trân trọng của mình với thính giả. Cho nên, tôi phải lựa chọn, và noi theo người xưa, tôi tuân theo qui luật 3 đơn vị của các nhà viết kịch Pháp thế kỷ 17, đó là ; một chủ đề hay hành động², ở chỉ một nơi chốn³ và trong một thời khoảng nhất định⁴.

Nơi chốn và thời khoảng: Những ngày tháng đầu tiên của tôi ở cố đô Huế, khoảng tháng 10,1957, là thời điểm các sĩ tử chuẩn bị thi tuyển vào Trường Cao Đẳng Sư Phạm Huế và ngày khai trường của Viện Đại Học Huế

Chủ đề là tình. Tình là cảm nhận những gút mắc trong những quan hệ qua lại, hai hay nhiều chiều. Trăm hoa đua nở, một nguyên duyên đã khởi thì trùng trùng duyên khởi. Bên cái chung chung của nghề dạy học, có cái riêng tư của tôi. Mỗi người một vẻ, chẳng có một cái tôi nào giống một cái tôi nào. Tình tôi có những chuyện, sự việc đặc thù, với sắc thái đặc thù. Nói đặc thù vì chúng duy nhất không giống ai trong chủng loại của chúng. Tôi mong diễn tả được cái chung ở mọi nơi mọi chốn—hoặc cái chung của Huế thời bấy giờ--và cái riêng không giống ai của tôi. Nếu tôi không diễn tả được chỉ là vì tôi thiếu văn tài, không biết ăn nói, chớ không vì thiếu thành tâm.

Thân bài:

I - Vì sao tôi về Huế ?

11. *Tôi muốn trở về VN.* Gia đình, mẹ cha, anh chị em là cái nôi, là nguồn của tình thương, nguồn cung cấp sinh lực và sự lớn mạnh của con người; nhưng trong một mức độ nào đó gia đình cũng là lực lượng kềm kẹp, giữ con người

trong nề, trong nếp, trong gia đạo, gia phong. Bảy năm du học, xứ lạ quê người, xa cha mẹ, anh chị, ở một phòng trọ, một mình một chất, trên không một ai trông coi, dưới chẳng có ai để ý, ra đường không có bác cả ở xóm trên, chú bộ hay ông hương thân, hương hào xóm dưới. 7 năm, không tên tuổi, không ai để ý, muốn làm gì thì làm, tôi có lắm tự do.

Trở về - về VN - là trở về với trật tự gia đình, trên còn có mẹ, anh chị, là khép mình trong cái khuôn cái thước, khuôn thước gia đình. Thêm vào đó, còn cái khuôn thước con người có học thức của làng xóm, một khuôn thước chung chung. Thương thì trái ấu cũng tròn, ghét thì bò hòn cũng méo. Tôi nguyện sẽ làm mẹ tôi vui lòng, và gia đình tôi hạnh diện với làng xã thôn xóm.

Nhưng tôi cũng muốn giữ nếp sống tự do của người du học sinh. Ở Pháp lúc bấy giờ, để được là giáo sư trung học thì hoặc là phải đậu thạc sĩ, hoặc là bi-admissible, hoặc là đậu chứng chỉ năng khiếu dạy trung học (gọi tắt là CAPES⁵). Thi thạc sĩ là thi tuyển, không chắc đã qua, nhưng CAPES toán thì quá dễ, Trường Khoa Học Toulouse năm 1956, có 11 thí sinh, chỉ có một không qua được vấn đáp. Tôi đã có 3 năm Pionicat, nếu đỗ CAPES, tôi được vào ngay chánh ngạch giáo sư Trung Học, không phải qua hai năm tập sự. Nói chung, trong những năm 1950-60, người sinh viên toán, lý hoá có được đôi ba chứng chỉ không khó khăn tìm việc làm. Đây cũng là một điều muốn giữ tôi lại Pháp.

Tôi vừa muốn là tôi, tự tung tự tác, thoát ly khỏi những buộc ràng của gia phong, của lệ làng ; đồng thời cũng muốn được là đứa con ngoan của gia đình và thôn xóm. *Hai ý muốn này là hai áp lực đè nặng trong suy nghĩ của tôi.* Tôi nhận thức rõ mình ở trước ngã ba đường, đi bên nào cũng chết. Tôi thẩm thía câu kết luận của Don Rodrigue, trong Le Cid «Des deux côtés le mal est infini . Đông hay Tây, chọn bên nào, cái đau cũng vô tận». Ba tôi đã qua đời năm 1954, ba năm trước, chớ tôi về mà không được. Về nhà là khai tử cuộc sống tự tung tự

² unité d'action

³ unité de lieu

⁴ unité de temps

⁵ Certificat d'aptitude au professorat de l'enseignement secondaire

tác. Ở lại Pháp, tôi sẽ không bao giờ tự tha thứ cho mình được.

Tôi dứt khoát chọn con đường sẽ được kèm cặp, con đường của đứa con ngoan, của con người có học, biết có trước có sau, con đường mà tôi sẽ mất ít nhiều cái rất là tôi. Tôi sẽ sống một cách thuận thiên, phải đạo; thuận lòng trời, vừa lòng người.

12. Huế là duyên lành duy nhất đến với tôi.

Tôi gửi đơn xin làm assistant⁶ ở Trường Đại Học Khoa Học Sài Gòn. Bộ Giáo Dục đáp rằng tôi có hai lựa chọn : hoặc dạy ở Trường Petrus Ký với tư cách là giáo sư trung học đệ nhị cấp, hạng 5 , chỉ số lương 470, hoặc là giảng nghiệm viên hạng 5 , chỉ số lương 550 ở Đại Học Khoa Học Huế.

Trời thương nên đã mở cho tôi con đường về xứ Huế. Nếu nói là duyên, thì Huế lúc bấy giờ, với tôi là duyên lành, duyên đẹp. Trước mắt, mẹ tôi và các anh chị tôi sẽ hài lòng vì tôi đã trở về, gia đình đề huề như xưa, và hãnh diện vì tôi có chút đồ đạc. Còn tôi, tôi nghĩ : sau những « tuần trăng mật » với gia đình, tôi sẽ trở lại chính tôi trong một vai trò mới : Ở Huế, xa nhà, tự do, thoải mái. Bối cảnh có đổi thay, nhưng tôi vẫn là tôi. Pion⁷ và assistant có những điểm giống nhau: pion là nhân viên thấp nhất trong hàng giáo huấn của một trường trung học, giảng nghiệm viên cũng là nhân viên giảng huấn hạng chót của Đại Học; mỗi hai năm pion phải đỗ một chứng chỉ, assistant phải làm một luận án tiến sĩ. Cả hai đều nửa là sinh viên, nửa là nhân viên giảng huấn.

Tôi có vào thư viện tìm sách học hỏi về cổ đô Huế. Lúc bấy giờ chưa có internet, tài liệu rất ít hình ảnh, cái biết của tôi về Huế cũng như về nhiều địa danh khác thường thường là trừu tượng.

Trong lúc đó, tôi lại được một thư dài của Linh Mục Viện Trưởng hứa hẹn nhiều quyền lợi, hầu hết là liên quan đến đời sống và tiện nghi vật chất và vì có cái tặc lạc quan, tôi nhìn Huế là giải pháp tối ưu ; người hiền gặp lành, Huế là phước lớn Trời ban. Tôi không ngại thơ nghĩ con đường sẽ trải thảm đỏ. Tôi ý thức rõ rằng

về VN, mọi khó khăn mới bắt đầu. Tuy nhiên Sông Hương, Núi Ngự, đất thần kinh, xứ ngàn năm văn vật chỉ có thể là nơi đất lành, người đẹp. Cọng thêm cái lạc quan tuổi trẻ và cái trí tưởng tượng phong phú của tôi, tôi thật sự bị cuốn lôi. Tôi mạnh dạn và phần khởi chọn về Huế.

II - Cảm giác ban đầu.

Lô Sơn yên tòa Triết Giang triều⁸,
Vị đáo sinh bình hận bất tiêu

Chưa đến Huế, chưa dừng chân bên núi Ngự, chưa được ngắm cảnh Sông Hương,..., thỉnh thoảng được nghe bạn bè tán tụng : Huế thơ, Huế mộng, Huế đẹp...thì cũng có cái gì đó làm cho nếu không một lần được đến Huế thì ắt cũng « sinh bình hận bất tiêu ». Cái mà mình chưa được, danh lam thắng cảnh mà mình chưa đến, mình háo hức muốn có, muốn đạt, muốn đến, mình hình dung nó muôn màu muôn vẻ, thần tiên chi nhất thế. Và tôi đến Huế với tâm trạng này.

Thế nhưng, đến Huế rồi, tôi có những ngỡ ngàng, lo âu, và cũng có thể nói là thất vọng.

Sau đây là một vài điểm mà tôi còn nhớ.

1. Thành Vauban và ngọn đồi trọc

Trong một cảnh thiên nhiên, thơ mộng như vậy, nhà vua lại xây lên một thành lũy, kiểu Vauban. Hoàng cung được xây bên trong một thứ đồn bót, vua như sợ dân, bên ngoài là dân chúng bên trong là triều đình, vua và dân cách biệt.

Điều này làm tôi nhớ một chuyện ngắn của Alphonse Daudet, La Mort du Dauphin—Cái chết của Hoàng tử. Hoàng tử còn thơ dại, nhưng đau nặng, sắp chết. Hoàng tử lại tin rằng một hoàng tử không thể chết như vậy được, và xin cho triệu lính tráng và kéo súng « canons » chung quanh thành để chống thần chết.

Chiến lũy Maginot, từng là niềm hãnh diện của người Pháp, đã là vô dụng trong thế chiến thứ hai, thì cái thành trì nhỏ bé

⁶ Giảng nghiệm viên

⁷ Giám thị

⁸ *Mù tòa Lô sơn sóng Triết giang
Khi chưa đến đó hận muôn vàn*

Vauban xứ Huế thì làm sao có thể bảo vệ được cái Đại Nội hay hoàng cung nhỏ bé của nhà vua. Và lại đã từ lâu, nước đã mất, đã phân chia ba đoạn. Từ lâu nhà vua đã rong chơi ở Châu Âu, thành Vauban như một thách thức vô duyên.

Núi Ngự là một ngọn đồi, và là đồi trọc. Gọi là núi có lẽ do lệnh vua, hoặc vì nó làm bình phong cho Đại Nội, hoặc vì chúng ta có thói quen nhìn bất cứ cái gì của mình đều vĩ đại. Đầu thì có tóc, núi đồi có cây. Cạo trọc đầu, làm trọc núi đồi là do người. Tôi không tin đồi trọc, núi trọc là đẹp hơn núi đồi có cây xanh bóng mát. Tôi cũng nghĩ : núi đồi trọc là mầm móng làm cho đất chùi, cho tai họa. Chỉ có con người là tự gieo họa cho chính mình.

2. Huế, thành phố thánh thiện.

Nói cho đúng thì lúc bấy giờ, Huế là một thành phố lành mạnh, chỉ có những thú vui lành mạnh. Lành mạnh đến độ thánh thiện. Vì thế mà Huế có thiếu hẳn chất người. Có thể vì vậy Huế là một thành phố buồn. Nói quá, nhưng không quá đáng bao nhiêu, Huế là một thành phố chết, chết trong những giờ giấc nhất định nào đó trong ngày. Nếu không có sinh viên học sinh, thì Huế chỉ thoi thóp như một tỉnh lẻ của Hoàng Triều Cương Thổ lúc về chiều hoặc về đêm.

3. Cha con tôi

Cha ở đây là Linh Mục Viện Trưởng của tôi. Lần đầu tiên gọi Ngài bằng cha, tôi không thấy có chi khó khăn, nhưng xưng mình là con, thì tôi có ngượng ngập, cảm nhận trong tôi một cái gì đó bất ổn. Nhưng quanh tôi, ai ai cũng cha cha con con với Ngài, tôi cũng phải như mọi người, nhập gia tùy tục. Cũng nhờ đó mà về sau, khi tiếp cận với các sư sãi, tôi xưng con rất ngọt.

4. Triều Đình của Cha

Với Triều Đình của Cha Viện Trưởng —quí vị chủ sự, nhân viên các phòng ban—tôi ngạc nhiên, lo ngại, cảm nhận mình lạc vào một thế giới khác : Ai ai cũng ăn mặc nghiêm túc ; chào hỏi, cử chỉ, thái độ, ăn nói tất tất đều nghiêm túc ; lễ nghĩa đâu ra đó.

Ấu đó cũng là một điều tốt đẹp.

Có điều là ai ai cũng gọi tôi là giáo sư. Thật là không nên.

Bên phố, vì không biết chúng tôi hầu hết chưa có ai có tước vị giáo sư, hay nghe tiếng đồn Viện Đại Học sắp khai giảng, người bán buôn hay lao động ngộ nhận đã đành, nhưng ngay trong Viện Đại Học, quí vị đồng sự với tôi đều phong cho chúng tôi cái hàm giáo sư. Tôi được trân trọng gọi là giáo sư, một là giáo sư, hai cũng là giáo sư. Tôi cảm thấy bất an, bất ổn, khó chịu. Vô tình tôi chiếm nhiệm chức vị và điều này không chấp nhận được.

Rồi một hôm, Linh Mục Viện Trưởng bảo tôi đảm nhiệm chức vụ Khoa Trưởng Trường Đại Học Khoa Học. Đó là giọt nước cuối cùng buộc tôi phải thưa với Ngài rằng: «Thế thì con đường sự nghiệp của con hoàn tất chỉ trong vài tháng : mấy tháng trước đây còn là sinh viên cao học, rồi được tuyển dụng làm giảng viên hạng 5, khi nhận nhiệm sở thì biết mình là sẽ đứng lớp giảng bài như một giáo sư, lại được nhiều người tặng cho tước hiệu giáo sư, rồi giờ đây, Cha cho làm Khoa Trưởng. Thật quá nhanh?» Tôi tiếc rằng cách nói nửa đùa nửa thật này đã làm Ngài khó chịu. Tôi cảm nhận Ngài cũng hiểu như tôi rằng trò chơi tước vị không nên có, và đã có thì không thể kéo dài

Ngoài ra, Ông Tổng Thư Ký, nhỏ người, nhỏ tác, cùng trang lứa với tôi và cũng như tôi, vừa rời ghế nhà trường không lâu, nhưng lớn hơn tôi nhiều trong vai trò mới của Ông. Nói theo người Pháp, thì Ông hoàn toàn được thổi phồng. Và tôi cũng có cảm tưởng ông Viện trưởng của tôi cũng như vậy. Điều này không làm cho tôi lạc quan.

Thiết nghĩ cứu cánh trong sự nghiệp dạy học vẫn là tước vị giáo sư, chỉ có khác là nó tới không phải lúc, trong lúc chúng tôi chưa hội đủ những điều kiện qui định, và tâm thức chúng tôi chưa sẵn sàng. Trong thâm tâm, tôi cảm nhận : sự trân trọng và cảm tình của quí vị đồng sự của tôi là thật. Điều này có làm nhẹ cái mặc cảm « giáo sư » của tôi, nhưng cũng buộc tôi phải nghĩ đến những trách nhiệm nặng nề đang chờ đợi.

Trong hơn một niên học đầu, Cha Viện Trưởng và tôi có những va chạm làm cho quan hệ xấu đi. Cuộc sống của tôi vì thế cũng bất ổn. Nhưng không lý mối tình đầu của tôi, vì những chuyện lẩn nhãng như vậy, mà sớm vỡ tan? Vả lại cuộc sống vốn là là gặp gỡ--gặp gỡ tha nhân, vạn vật; cho nên ma sát, va chạm là đương nhiên. Cuộc sống cũng vốn vô thường, đổi đổi thay thay, không ngừng biến hoá; cho nên, bất ổn cũng là đương nhiên. Vậy, phải xem va chạm, bất ổn, những bất như ý trong nhất thời là những cơ duyên giúp mình tôi luyện trí tuệ và tính tình. Một cuộc sống không vấn đề, không thách đố, chỉ có thể là một cuộc sống đơn điệu, buồn tẻ. Tuổi trẻ có trăm ngàn lý do để biện minh sự dấn thân của mình.

5. Thư Viện và lực lượng giảng huấn.

Thư viện là thư viện chung cho tất cả các khoa, mới hình thành nên còn nghèo nàn. Riêng môn toán, thư viện chỉ có hai tác phẩm cho sinh viên năm đầu đại học, và mỗi loại chỉ một bản. Về nhân viên giảng huấn môn toán, thì cũng có hai người—anh Nguyễn Văn Hai và tôi—cả hai đều là cá mè một lứa, chẳng có ai có cái bằng tiến sĩ, chẳng có ai ở trong danh sách những người có năng khiếu dạy đại học. Mà anh Hai lại không là nhân viên Viện Đại Học; anh còn là Đại Diện Bộ Giáo Dục, trách nhiệm toàn bộ hệ thống Trung Tiểu Học và Bình Dân Giáo Dục Miền Trung. Về các môn khác ở các khoa khác, tôi có cảm giác cũng như vậy.

Vài tháng sau khi khai giảng, các nhân viên giảng huấn khác mới lục tục về. Hầu hết trong khoảng chung quanh 30 tuổi, đa số từ Pháp, cử nhân, cao học, kỹ sư, tiến sĩ luật, tiến sĩ đại học, tiến sĩ đệ tam cấp, và hầu hết chưa có một kinh nghiệm nào đứng lớp ở một đại học. Nói chung, chúng tôi, dầu có thêm người, nhân sự vẫn mỏng (ít người), khả năng và kinh nghiệm đại học khiêm tốn, nhưng phải đảm nhận một trách nhiệm quá to tát: xây dựng nền tảng cho một Đại Học có nội dung, có qui củ, lòng tin ở sinh viên, phụ huynh, và người dân không những của

Bình Trị Thiên, Miền Trung, mà cả nước. Thật là cả một biển Đông để uống.

6. Ông Cậu, chính quyền

Tôi đã từng ở Cần Thơ thời kỳ Ông Năm Lửa còn hét ra lửa, ở Mỹ Tho lúc Ông Le Roy còn là Ông Cọp vùng Bình Đại-An Hóa. Tôi có được vài tháng ở ngay Saigon nhưng được căn dặn không được qua bên kia Cầu Chữ Y, lãnh cư của Ông Bảy Viễn. Vì vậy tôi luôn luôn cảm thấy bất an khi trong vùng tôi ở có một vị anh hùng Lương Sơn Bạc.

Đôi ba tháng với gia đình, tôi có dịp đi Cần Thơ, Vĩnh Long, Vĩnh Bình, Di Linh, Đà Lạt, Nam Vang, Battambang,..., tôi không phải thận trọng trong lời nói, lo ngại những phạm úy mà rủi ro đến tai các «ngài», phải lụy đến thân.

Chỉ trong vòng ba năm thôi, 1954-57, quân đội Cao Đài, Hoà Hảo, Bình Xuyên, Le Roy được qui về một mối vào Quân Đội Quốc Gia, thật là như chuyện thần thoại, Trời Đất an bài. Tuy nhiên, Huế lại còn có Ông Cậu.

Ông Cậu, người em của đương kim Tổng Thống, là một vị sứ quân mà tiếng đồn làm lòng người khiếp sợ. Trước khi đi Huế, các anh tôi kỹ lưỡng dặn dò: phải cẩn thận trong lời ăn tiếng nói, Huế không phải là Sài Gòn, Huế có Ông Cậu.

Chính quyền địa phương là yếu tố thứ hai làm tôi e ngại: Quảng Trị, Thừa Thiên là hai tỉnh địa đầu, xa Thủ Đô. Càng xa Trung Ương, thì thông thường luật lệ địa phương dẫm trên luật vua phép nước, nhất là khi tình hình an ninh vừa được ổn định mới vài năm.

Trong thực tế, có thể quý vị ấy cũng không dữ dằn như lời đồn đãi, nhưng luật nước không có hai, và đã là luật pháp, thì không thể có cái tùy tiện, tùy hứng, tùy tâm thái nhất thời của một «ông kệ⁹» nào đó trong vùng.

Ngay trước khi về VN, tôi đã tự nhủ, không nói, không bàn, không làm chính trị, không

⁹ Ở trong Nam, khi con nít khóc, thường thì dùng Ông Kệ dọa cho nó nín khóc.

liên hệ đến các đảng phái. Tôi cũng nghĩ tôi sẽ có nhiều may mắn yên thân trong trách nhiệm khiêm tốn của một giảng viên hạng chót. Nhưng làm giáo sư—dù là giả đĩnh, hay giả hiệu—thì có chút danh, chút nổi đĩnh nổi đám; theo đó có khả năng được cấp trên lưu ý, hay đoàn thể khuyến dụ, và không khéo sẽ bị cuốn vào những phiền toái đảng phái, bên nó bên ta, vô bổ mà hệ quả khó lường.

Vì những điều vừa nêu, tôi không có nhiều hảo cảm với Ông Cựu.

7. Suy tôn Ngô Tổng Thống

Thường thì vào dịp Tết, tôi được phái vào tiếp xúc với Bộ Giáo Dục vì đổi chuyện của VDH; đó cũng là cơ duyên cho tôi về thăm nhà. Sau cái Tết đầu tiên, trở về Huế, tôi được một đồng nghiệp của tôi thuật lại việc đi ăn giỗ trên nhà Ông Cựu và chúc Tết Tổng Thống. Ông thuật lại rằng tất cả—các ông Bộ Trưởng, Tổng Giám Đốc, Giám Đốc, Trưởng cơ quan, Dân Biểu Quốc Hội,..—những người có mặt hôm đó đều đứng dậy ca bài « Ngô Tổng Thống », Tổng Thống cũng đứng đó, tự nhiên. Ông nói thêm rằng ông cảm thấy nhục nhã. Riêng tôi, hồi còn học tiểu học, tôi đã sớm thuộc bài « Maréchal Nous Voilà », suy tôn Thống chế Pétain. Bây giờ tôi vẫn còn nhớ lời ca.

Hết thời Pháp thuộc, tôi nghĩ trẻ con VN không còn bị những hành hạ tương tự. Nhưng rồi lại có một thời khoản năm ba tháng, người ta ca bài Hồ Chí Minh Muôn Năm.

Giờ thì « Ngô Tổng Thống, người về đây », và không phải là trẻ con ca hát suy tôn, mà cấp lãnh đạo quốc gia, và Tổng Thống đứng đó « khiêm cung » chấp nhận. Rồi không hiểu sao tôi thấy có một gì xót xa, lợm giọng. Tôi hiểu là đông đảo những người như ông bạn tôi phải nhép miệng theo người—ở cảnh dở khóc, dở cười—chờ mới vừa về nước đôi tháng, có thuộc, có biết mô tê gì đâu. Tôi cảm thấy thương cái thân phận người lãnh đạo, sự can đảm và chịu đựng cùng tột của họ, của cả những người thực lòng ca, và những người qua sông phải lụy đò

III - Tôi thích ứng với cuộc sống Huế.

Tuy nhiên, cái gì rồi cũng quen. Cái thành Vauban xấu xí đó, ngọn đồi còi cọc đó, thế mà hay, nghĩ cho cùng không có tiểu nhân làm gì có đại trượng phu, bên cái xấu, cái đẹp chỉ có thể tăng thêm nét đẹp. Đẹp xấu, hay dở lắm khi tùy thuộc tâm thái của người đời. Tôi không là một ngoại lệ. Nhất là khi đã tiếp cận với người đẹp xứ Huế. Huế không biết tự lúc nào đã trở thành của tôi, mà là của tôi thì cái gì cũng đẹp. *Sau đây là những thách đố hay thuận cảnh giúp tôi hội nhập vào môi trường Huế*

1. *Lại nói về Chính quyền và Ông Cựu*
Trên đây, tôi có vinh danh một thành quả tối quan trọng của chính quyền: sự an sinh của Đồng Bằng Sông Cửu do sự thu nhập được quân đội bán quân sự của các lãnh chúa. Những ông lãnh chúa và lực lượng quân sự của các ông là những ổ khủng bố hợp pháp, làm khiếp sợ tầng lớp dân chúng Miền Đồng Bằng Sông Cửu.

Và cũng nhân đó tôi ghi thêm rằng tôi không nhìn Ông Cựu với thiện cảm.

Tuy nhiên, nói đi rồi cũng phải nói lại: từ ngày khai giảng đến cuối triều Ngô, VDH Huế và cả chúng tôi, được che chắn không phải chịu đựng các ngọn gió chính trị, đảng phái, phong trào. Một lần, có lệnh Trung Ương buộc chúng tôi phải vào Phong Trào Cách Mạng Quốc Gia. Chúng tôi có thừa trình thiết hơn với cha VT, rồi mọi việc được chìm trong quên lãng. Một lần khác, chúng tôi được triệu tập đi học tập chính trị ở Suối Lò Ô cùng với Đại Học Sài Gòn, chúng tôi đã có lý do chính đáng không dự; Bộ Giáo Dục có lớn tiếng dọa dẫm, nhưng rồi cũng bỏ qua.

Tôi có cảm giác rõ rệt là nhờ Ông Cựu, và cha VT làm tấm bình phong vững chắc, che chắn cho. Điều này vô cùng cần thiết và quý báu cho bất cứ một Trường Đại Học nào, nói riêng cho VDH Huế sơ sinh của chúng tôi.

2. *Vài nét về nếp sống văn hoá Huế*

Món ăn Huế, dễ ăn nhất, bình dân nhất, có lẽ là bún bò Huế, và họ hàng của nó như

bún riêu, bún ốc, cơm hến, bánh canh,..Bánh canh Huế không giống bất cứ bánh canh nào của Miền Nam, nó là Huế, « Huế chay » như giọng nói các cô, các bà Huế. Tuy nhiên, điều mà tôi muốn ghi nhận ở đây là:

* Hầu hết những người bán là các bà, các cô—suốt thời gian ở Huế--tôi chưa gặp một ông bán gánh bún bò, bún riêu ...

* Các bà, các cô, tuy buôn gánh bán bưng, nhưng đều mặc áo dài, như thách thức cái nóng cháy da của mùa gió Lào, và như nhấn nhủ với khách lãng du, trong cái nghèo, cái khó, trong lam lũ chịu nắng dầm sương, lúc nào cũng phải giữ cái nề cái nếp. Đây là một điểm son cho phái đẹp chốn thần kinh.

Tôi ngạc nhiên và khâm phục.

Điều sau cùng này buộc tôi nghĩ:

* Cách phân chia nhiệm vụ giữa chồng và vợ khác nhiều với miền đồng bằng sông Cửu Long.

* Người phụ nữ Huế đảm đang quán xuyến không chỉ bên trong mà cả chịu khó phong sương, cực nhọc, để có thêm lợi tức cho gia đình.

* Trong lam lũ, không quên thể diện, phong cách của mình.

* Huế là xứ của lễ nghĩa, thuần phong mỹ tục.

Mà thật như vậy.

Người Huế không *ăn* mà *thời* hoặc *xoi*, họ không *ngủ nghỉ* mà *ngơi*. Nói *ăn*, *ngủ* là thô. Xứ ngàn năm văn vật, có khác với đàng trong, đất mới, của những con người khẩn hoang, cày sâu cuốc bẫm. Tôi ngỡ ngàng vì đã chọn lập nghiệp ở xứ ngàn năm văn vật này, mà lại mang trong tự thân một nền văn hoá lai căn, lai Miên, lai Tàu, lai người Châu Giang, lai thêm văn hoá Pháp mà có một thời bị xem là man di. Chúng tôi, một đám trẻ lại tiếp tục gọi nhau bằng mầy tao mi tớ - toa, toa, moa, moa - quái đản không giống ai.

Chúng tôi phải bỏ một số thói quen cũ, tập một số thói quen mới, tập cho quen với

ngôn từ Huế--không chỉ ngừng ở mô, tê, răng, rứa—và giọng nói của người Huế. *Trong dòng hoài niệm này, tôi phải ghi thêm :*

3. Cơ ngơi Viện Đại Học hay cái đẹp của người dân và chánh quyền Huế.

Rõ ràng là chính quyền địa phương và tầng lớp dân chúng dành cho Viện Đại Học nhiều ưu tiên và cảm tình đặc biệt. Cơ ngơi của Toà Đại Biểu Chính Phủ trở thành toà Viện Trưởng, khách sạn lớn nhất ở Huế được dành cho các lớp học và phòng thí nghiệm, trụ sở Ngân Hàng Đông Dương giờ đây là Thư Viện, tầng trên là phòng trú tạm cho thành phần giảng huấn. Khu Toà Khâm Sứ thì dành để xây cất Trường Đại Học Sư Phạm và Trường Trung học thí điểm, mà sau này gọi là Trường Kiểu Mẫu Huế. Nói chung, Thiên thời thì chưa thấy, nhưng địa lợi và nhân hoà thì rõ ràng, tôi cảm nhận những điều này rõ ràng hơn trong những dịp tháp tùng anh Nguyễn văn Hai « thăm dân cho biết sự tình » hoặc LM Viện Trưởng đi thăm các cha di cư ở Đà Nẵng, đi viếng Nhà Thờ La Vang, quận huyện lân cận.

Chúng tôi có tuổi trẻ, thành tâm, thành ý, và nhất là không có con đường nào khác hơn là tiến tới. Trong thực tế, chúng tôi thực hiện một cách thận trọng những gì thu lượm được ở Pháp, và ở Sài gòn. Công việc không khó như tôi hình dung; đông đảo sinh viên của tôi đều sử dụng được sách giáo khoa Pháp. Về sách tham khảo, tôi phải bằng lòng với tủ sách của anh Hai. Nhà sách Lê Phan ở Sài gòn lúc bấy giờ tương đối có đầy đủ sách giáo khoa về khoa học, ít nhất là cho các chứng chỉ dự bị. Thể thức mua sách của nhà nước mình quá chậm, nhưng chậm vẫn còn hơn không có, hay phải mua tận gốc.

4. Sinh viên

Sinh viên gồm 3 thành phần : học sinh Quốc Học, Đồng Khánh và những trường Trung Học Miền Trung vừa tốt nghiệp Tú Tài, sinh viên Sài gòn trở về Huế, để gần nhà hoặc nghĩ rằng thi cử ở Huế dễ hơn ở

Sài Gòn, một số ít sinh viên đồng bằng sông Cửu Long, công chức và tư chức.

Không khí Đại Học khá tự do. Thời ấy, chưa có một nghiên cứu nào cho biết sự hài lòng, không hài lòng, hay sự đánh giá phẩm chất của các nhân viên giảng huấn. Tôi có được nghe một vài chỉ trích lẻ tẻ liên quan đến nhân sự một phòng thí nghiệm, nhưng kịp thời chỉnh đốn.

Có thể nói một cách rất chung –mà tôi nghĩ là sai số không đáng kể--là : sinh viên Huế hiếu học, có khả năng tự học—đọc ngoại ngữ Pháp và Anh, nói riêng trong lãnh vực khoa học tự nhiên. Cũng có thể nói họ là những con người thông minh, cần cù, kiên nhẫn, có nhiều khả năng, biết biến cơ duyên có đại học trong tầm tay làm phương tiện trao dồi kỹ năng, tài khéo, trí thông minh, tính tình, mở rộng tầm nhìn, tạo thêm quan hệ, khẳng định chính mình trong mọi tình huống.

Tôi cũng có cảm giác rằng trong quan hệ thầy trò, không đâu bằng tình người học trò VN đối với thầy cô giáo cũ.

5. Phụ huynh và đồng nghiệp

Tôi chưa gặp khó khăn đáng kể đối với quý vị phụ huynh.

Nhờ anh Nguyễn Văn Hai tôi tiếp cận với nhiều Đồng nghiệp của tôi ở các trường Quốc Học, Đồng Khánh, Nguyễn Tri Phương, Hàm Nghi, Bán Công, Bình Minh, Trung Học Nguyễn Hoàng (Quảng Trị), Phan Châu Trinh (Đà Nẵng), quý vị ty trưởng Thừa Thiên, Quảng trị... Có vị tuổi đời và tuổi nghề là bậc thầy của tôi, đồng đạo là đàn anh của tôi trong làng giáo.

Tôi học lắm điều ở họ: tích cực lẫn tiêu cực.

Kết Luận

Tóm lại,

1. Tôi về Huế với những mâu thuẫn ít nhiều khắc nghiệt : mâu thuẫn trong tự thân, mâu thuẫn với ông Viện Trưởng, với ông Tổng Thư Ký Viện.

Tôi vừa thích thú vừa thất vọng, vừa khâm phục một nếp sống xưa cũ vừa cảm nhận

sự khắc khe của cổ tục, vừa thấy dễ chịu vì sự ân cần của mọi người vừa cảm thấy khổ sở, lo âu không biết có đáp ứng được sự chờ đợi của mọi người, vừa phấn khởi về những thành quả của chính quyền vừa bị quan trong những chi tiết như nghe ca bài suy tôn trong một ngày lễ hội,...

Tôi lại về Huế trong thời Huế thánh thiện, mà tôi quả là tứ cố vô thân. Ước gì Huế có được một Queen

Bee hay Đêm Màu Hồng nho nhỏ hay thêm một vài rạp hát ciné.

Đôi ba tuần trước ngày khai giảng, tôi cảm thấy trống vắng và thất vọng.

Nhưng thất vọng không có nghĩa là tuyệt vọng. Bên những bất như ý, bất mãn cụ thể khó quên, tôi cũng được lắm điều thuận tiện giúp tôi lớn mạnh trong môi trường Đại Học.

Nói chung, nếu có câu rất là Huế ‘Huế đi để mà nhớ, chứ không phải sống để mà thương’ thì riêng với tôi, giờ đây, đã quen xứ Huế, thiết nghĩ: Huế đi thì nhớ, mà ở thì thương, thương cả cái thuận cùng cái nghịch.

Nghịch là thách đố. Thách đố là cơ duyên tôi luyện tài trí, thử thách tính tình. Nhờ vậy mà con người được rèn luyện ở khả năng, ở sự cần cù, kiên nhẫn, ở đức khiêm cung, ở lòng cởi mở, ở ham muốn học hỏi.

Vậy nghịch là động cơ của tiến bộ.

Thuận là lúc cảm nhận được thoải mái, ung dung, như đi trên thảm đỏ, có thể là lúc tâm trí an bình, lạc thiện, lúc đã qua được một khó khăn, thoát được một trần trở, một bế tắc, một tai ương lớn, cũng là lúc cuối đoạn đường nhìn lại, cảm nhận những giới hạn của con người trước cái bao la vô cùng của vũ trụ, cảm nhận tính mong manh của thân phận trong cái vô tận của thời gian.

Thương Huế, yêu Huế là thương yêu cả cảnh vật và con người: một quê hương đất đai cần cỗi, ít nguyên liệu ở lòng đất, những con người chịu khó, bền lòng nhưng cơ cực, vì cái tâm gắn liền với đất đai cha ông, với thi thơ lễ giáo, với đạo lý luân thường.

Ở Huế, thêm một lần tôi học thương yêu. Và thương yêu là ôm cả thuận nghịch mà thương.

2. Thế rồi, không biết tự lúc nào, như tôi đã thưa trình: Huế trở thành của tôi, mà cái gì của tôi đều tốt, đều hay, đều đẹp.

Ở Huế, tôi có nhiều người bạn tốt, hầu hết đều là huynh trưởng của tôi. Tôi học nhiều về nếp sống văn hoá Huế ở những ông anh bà chị này.

Tôi cũng có những người bạn cùng trang lứa cùng nhau chia xốt những công việc chung, có nhau trong cái may cũng như trong cái rủi.

Cho phép tôi nói lên ở đây lòng tri ân của tôi với các ông anh, bà chị và những người bạn chí thành này.

3. Tôi có “ngọng” lần đầu xưng là con để nói chuyện với cha VT của tôi. Cũng có một thời gian tôi nhìn ông: nếu không là một Grippeminaud của La Fontaine, thì cũng là một Tartuffe của Molière.

Tôi đã có một cái nhìn không tốt về Ngài.

Tôi đã không thấy hiểu được hết hoài vọng và mức độ thiết tha cùng tột của Ngài trong việc đặt Đại Học trong tâm tay con em hiếu học *Huế.*

Tôi cũng đã không thấy hiểu kịp thời rằng thời cơ đã chín, mà không có tôi, thì chỉ một mình anh Hai cán đáng vừa chứng chỉ Toán Học Đại Cương, vừa Năm Thứ Nhất Ban Toán của Trường Cao Đẳng Sư Phạm, thật quả bất kham, coi không được.

Tôi cũng không thấy hiểu hết những cố gắng của Ngài Viện Trưởng trong việc dành cho Đại Học một không khí trong lành cần thiết cho sự học hỏi và phát triển

Lúc bấy giờ tôi thấy cái lý của tôi mà không thấu hiểu bối cảnh của Ngài, những động cơ hành động của Ngài.

Tôi đã có những phê phán giá trị, xấu tốt v.v. Tôi có tiếc là đã không đủ kiên nhẫn nhường nhịn. Tôi cũng tự vẫn không rõ mình có đi quá xa, quá trốn, ra ngoài các giới hạn khả chấp ?

Tuy nhiên, cuộc sống là vấn đề. Sống không là trốn chạy. Tránh né, chui đầu vào cát như con_đà_điều, vấn đề không vì đó mà triệt tiêu hay được giải quyết thỏa đáng.

Giáp mặt, trực diện với vấn đề mới là một thái độ thích hợp. Tìm hiểu : trước không biết, sau thì diễn biến phát hiện. Gặp bất như ý, khác mình, lạ với những thói quen của mình, với những giá trị của mình, là việc đương nhiên. Đụng chạm, cãi vả, lời qua tiếng lại làm sao tránh khỏi, nhưng không vì vậy mà dấn nhận người trong cái sai quấy. Nghe rằng Tây Thi có thẹn thì con người tốt nhất, cái hoàn hảo nhất cũng có những khuyết tật trong tự thân. Vậy, nếu được lấy người làm gương soi, thì có khả năng mình khám phá được phần mù của chính mình. Và va chạm sẽ là cơ duyên để hiểu người biết mình. Vậy xá gì những hiểm nguy lẽ tẻ bất ngờ xảy ra mà phải ngại sợ va chạm. Nói như vậy không có nghĩa là không đấn đo, không cân phân hơn thiệt.

Giờ đây, nhìn lại, thì những đụng chạm như vừa nói qua trên đây chỉ là những lượng sóng lẫn tần làm cho tôi hiểu thêm cuộc sống. Và khi hiểu được—hiểu tâm tình, hiểu tham vọng, hiểu hành động của Cha VT của tôi, và những hệ quả tốt đẹp của những điều này—thiết nghĩ tôi phải công bằng mà nói : Ngài là một con người vĩ đại. Trong vòng 6 năm, Ngài đã khai sinh nhiều trường Đại Học, đưa vào nếp sinh hoạt bình thường, dự nhiều khóa tốt nghiệp, gửi sinh viên và nhân viên đi du học hoặc tu nghiệp, nhịp độ kinh người. Không chỉ có thế, Ngài còn đề xướng lấy quốc ngữ làm chuyển ngữ ở Đại Học—cái mà có người đã gọi là prétentieux. Lấy quốc ngữ làm chuyển ngữ ở Đại Học trong thời buổi ấy là đại chúng hóa Đại Học, và đồng thời làm giàu ngôn ngữ VN ta.

Cách đây khoảng một thập niên, tôi có viết một bài tựa đề là : *Huế, Viện Đại Học, Cha Luận, và chúng tôi...* Chữ *chúng tôi* thật nhỏ so với chữ *Cha Luận, Viện Đại Học, Huế*, và nội dung tập trung vào Huế, Viện Đại Học và Cha Luận. Chúng tôi muốn đem lại phần nào công bằng cho Cha VT của chúng

tôi.

Hôm nay, một lần nữa, tôi mượn diễn đàn này làm cơ duyên để tỏ lòng kính thương, mến phục và biết ơn của tôi đối với Ngài.

4. Viện Đại Học được thành lập là cho sinh viên. Không có sinh viên, không có chi cả, không có cơ sở, phòng ốc, giảng đường, phòng thí nghiệm, không có quý vị nhân viên chủ sự phòng ban, không có VT, Khoa Trưởng, nhân viên giảng huấn, chi chi cả. Nói cách khác Viện Đại Học hiên hữu là « vì họ, do họ, bởi họ ». cho nên phần quan trọng nhất trong lời phải dành cho họ.

Cha Luận tạo cơ duyên, đưa đến họ một phương tiện để họ tùy nghi sử dụng theo sở thích và sở năng.

Trước 1975, tôi có dịp đi thăm một số giáo sư-cựu sinh viên ĐHSP Huế từ Đông Hà cho chí Qui Nhơn, Nha Trang và Hoàng Triều Cương Thổ. Có người vào tận Đồng Bằng Sông Cửu Long. Tôi cảm mến và tự hào về những đóng góp và chịu khó của họ. Sau 1975, đông đảo cựu sinh viên Huế được rải trên toàn thế giới. Nguyễn Mộng Giác, khoa Văn Trường Đại Học Sư Phạm Huế, đã nổi tiếng nhà văn được nhiều người yêu chuộng, nhiều người đạt bằng kỹ sư, tiến sĩ, làm ở hãng xưởng hoặc dạy Trung Học hay Đại Học ngoại quốc...

Năm vừa qua, tôi có dự Đại Hội mừng 50 năm thành lập Trường Y Khoa Huế, do quý vị cựu sinh viên Y Khoa Huế tổ chức ở Santa Ana California. Hầu hết họ đều thành công, và thành công về vang lấm, ngay trong ngành nghề Y Khoa của họ.

Thiết nghĩ: «Người có tài năng mà có điều kiện thì trí thông minh và năng khiếu phát triển cực đa ». Người sinh viên Huế lúc bấy giờ đã sử dụng được những phương tiện khiếm tốn mà VDH đã trao vào tay, để đi khắp nẻo đường đất nước, và sau 1975, đã bay khắp bốn phương trời. Họ đã đóng góp cho mọi miền đất nước. Giờ đây, họ tiếp tục đóng góp cho nhân loại nói chung. Thật là một hồng ân, một phép lạ.

Tôi xin quý vị cho phép tôi nói lên đên đây lời cảm ơn chân thành của tôi với quý anh chị cựu sinh viên Đại Học Huế. Quý anh chị

là cơ duyên cho chúng tôi được hồng ân này.

Trên đây, tôi có trích dẫn hai câu thơ đầu của Tô Đông Pha:

Lô Sơn yên tỏa Triết Giang triều,
Vị đảo sinh bình hận bất tiêu

Để kết thúc, thiết nghĩ phải ghi lại hai câu cuối:

Đảo đắc hoàn lai vô biệt sự.
Lô sơn yên tỏa Triết Giang triều¹⁰.

Không là một thiên sư, hay phật gia trác tuyệt, nhưng qua những những điều tôi vừa kể trên đây, thì với tôi, khi chưa đến, tôi ắt phải nuôi hi vọng sẽ đến, và tìm cách để đến, và chỉ có ân hận là khi mà đã tìm hết mọi cách mà phải tuyệt vọng. Cũng phải ghi rằng trong tuyệt vọng, trong ngõ cụt, lạc vào đường hầm tối đen, khi mọi cơ may như đã mất, Ớn Trên luôn dành cho con người một tia hi vọng, tí lửa trong lòng, dù chỉ là hi vọng một phép lạ. Còn như đảo đắc hoàn lai, không phải không có gì lạ, mà có lắm chuyện lạ lùng. Chuyện lạ của giòng đời, bề dâu của cuộc sống, chuyện đổi thay của tâm thái. Huế, Viện Đại Học, Cha Luận, và cái khối nhân sự bao quanh Linh Mục Viện Trưởng, tùy lúc tùy thời mà hiện lên sắc thái khác nhau, muôn vẻ, muôn màu. Riêng tôi, đến Huế, một thân một chất, rời Huế với một vợ ba con. Sao lại nói không có gì lạ?

Xin cảm ơn sự lắng nghe của quý vị.
Houston, ngày 28 tháng 2, 2010

Nguyễn Văn Trường
Nguyên Giảng Nghiệm Viên
Trường Đại Học Sư Phạm và Khoa Học Huế.

¹⁰ “Bài dịch thơ bằng tiếng Việt hay nhất (không nhớ dịch giả):

*Mù tỏa Lô sơn sóng Triết giang
Khi chưa đến đó hận muôn vàn
Đến rồi về lại không gì lạ
Mù tỏa Lô sơn sóng Triết giang”*

Trích dẫn: Tuệ Sỹ. Những Phương Trời Viễn Mộng
(Internet: Lô Sơn Chân Diện Mục)